

A. KẾT QUẢ TRUNG BÌNH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

| BẢNG LƯU LƯỢNG NƯỚC THEO HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC |                                                |     |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |  |
|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----|----------------------------|----------------------------|---------------------------|---------------|---------------|----------------|-----------------|------------------|---------------|--------------|------------------------|---------|--|
| Ca                                                            | Kết quả                                        | pH  | NH4 <sup>+</sup><br>(mg/l) | Lưu<br>lượng vào<br>(m3/h) | Lưu<br>lượng ra<br>(m3/h) | COD<br>(mg/l) | TSS<br>(mg/l) | Màu<br>(Pt-Co) | Cl dư<br>(mg/l) | Nhiệt độ<br>(°C) | BOD<br>(mg/l) | DO<br>(mg/l) | Ký và ghi rõ<br>họ tên | Ghi chú |  |
|                                                               |                                                | 6-9 | ≤ 4,95                     | -                          | -                         | ≤ 74,25       | ≤ 49,5        | ≤ 49,5         | ≤ 0,99          | ≤ 40             | ≤ 29,7        | -            |                        |         |  |
| Đêm<br>B                                                      | Giá trị trung bình theo ca                     | 6,5 | 0,82                       | 428                        | 465                       | 45,0          | 18,3          | 13,3           | 0,03            | 20,0             | 14,9          | 3,35         | Thy' Hà Đức Thuyền     |         |  |
|                                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |     |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |  |
|                                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |     |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |  |
| Sáng<br>C                                                     | Giá trị trung bình theo ca                     | 6,5 | 0,82                       | 386                        | 457                       | 46,9          | 19,7          | 15,1           | 0,03            | 20,5             | 15,5          | 3,4          | Lê Văn Mạnh Hòa        |         |  |
|                                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |     |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |  |
|                                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |     |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |  |
| Chiều<br>D                                                    | Giá trị trung bình theo ca                     | 6,5 | 0,98                       | 410                        | 460                       | 48,9          | 24,8          | 35,2           | 0,03            | 20,5             | 18,7          | 3,75         | Ng' Đức Tân            |         |  |
|                                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |     |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |  |
|                                                               | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |     |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |  |
| Giá trị trung bình ngày: A                                    |                                                | 6,5 | 0,86                       | 336                        | 448                       | 50,1          | 20,8          | 23,1           | 0,03            | 20,5             | 16,6          | 3,43         | Trần X. Hân            |         |  |
| Ghi chú: "-": Không quy định                                  |                                                |     |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |  |

Ghi chú: "-": Không quy định

- Giá trị trung bình ngày: Là giá trị trung bình ngày tính từ 00 giờ đến 24h.

- Giá trị trung bình trong ca: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến khi hết ca làm việc.

- Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến thời điểm xảy ra sự cố.

- Quy định mức phạt khi thông số khí thải vượt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép: Theo Điều 6, Điều 20 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ ban hành